TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 452/2024/DS-PT
Ngày 05-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch

Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Song Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 239/2024/TLPT-DS ngày 11/6/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2024/DS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 396/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Trần Đăng Kh, sinh năm 1978; địa chỉ: số 22/35 đường số 7, khu phố 3, phường LT, thành phố TD, Thành phố Hồ Chí Minh; ủy quyền cho ông Mai Trung Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: số 163 Thống Nhất, khu phố 3, phường Bình Thọ, thành phố TD, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 15/4/2024); có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* bà Trần Thị L, sinh năm 1962 và ông Hồ Văn R, sinh năm 1965; địa chỉ: số 45/2 khu phố Bình Đường 3, phường AB, thành phố D; chỗ ở: số 94/6 đường Bế Văn Đàn, khu phố Bình Đường 3, phường AB, thành phố D, tỉnh Bình Dương; ủy quyền cho ông Phạm Hải S, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn Nam Lâu, xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình (theo Giấy ủy quyền ngày 25/01/2024); bà L, ông S có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Trần Kim L, sinh năm 1973; địa chỉ: số 11 Chương Dương, khu phố 2, phường LC, thành phố TD, Thành phố Hồ Chí Minh; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn bà Trần Thị L, ông Hồ Văn R.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2023 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp của nguyên đơn trình bày:** Ông Nguyễn Trần Đăng Kh quen biết bà Trần Thị L và ông Hồ Văn R từ năm 2019 thông qua giới thiệu từ bà Trần Kim L. Từ năm 2019 đến năm 2022, ông Kh và bà L nhiều lần cho vợ chồng bà Trần Thị L và ông Hồ Văn R vay tiền, tổng số tiền vay là 1.395.000.000 đồng. Ông Kh cho vợ chồng bà L vay 03 lần và 01 lần cho vay chung với bà Trần Kim L, cụ thể như sau: Ngày 30/10/2019 ông Kh cho vợ chồng bà L vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất theo thỏa thuận; ngày 27/6/2020 ông Kh cho vợ chồng bà L vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất theo thỏa thuận; ngày 10/01/2022, ông Kh cho vợ chồng bà L vay 145.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 4%/tháng nhưng thực chất cũng thỏa thuận và ngày 31/3/2021, ông Kh và bà L cho vợ chồng bà L vay 100.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, lãi suất thỏa thuận. Ngoài ra, bà L còn có cho vợ chồng bà L, ông R vay 03 lần cụ thể: Ngày 17/9/2019 bà L cho vợ chồng bà L, ông R vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận; ngày 11/02/2020 bà L cho vợ chồng bà L, ông R vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất thỏa thuận và ngày 10/01/2022 bà L cho vợ chồng bà L, ông R vay 200.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, lãi suất 4%/tháng nhưng thực chất cũng thỏa thuận. Từ thời điểm cho vay đến ngày 20/01/2023 vợ chồng bà L, ông R trả được tiền gốc và lãi 531.400.000 đồng (không xác định được gốc và lãi cụ thể), đồng thời ngày 20/01/2023 vợ chồng bà L, ông R xác nhận còn nợ ông Kh số tiền 863.600.000 đồng, vợ chồng bà L hứa thanh toán cho ông Kh thành 03 đợt vào các ngày 20/3/2023, 10/4/2023 và ngày 30/4/2023). Ngày 01/3/2023, 24/3/2023, 07/6/2023 và ngày 01/7/2023, bà L đã chuyển cho ông Kh được 04 lần, mỗi lần 50.000.000 đồng với tổng số tiền 200.000.000 đồng (chuyển trả nợ tiền gốc). Vợ chồng bà L, ông R vi phạm thỏa thuận theo giấy cam kết. Vì vậy, ông Nguyễn Trần Đăng Kh khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Trần Thị L, ông Hồ Văn R trả lại cho ông Kh số tiền đã vay 663.600.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/01/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 22/4/2024) là 82.900.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tự nguyện trả lại cho bị đơn 150.000.000 đồng (số tiền lãi mà bị đơn đã đóng cho nguyên đơn, không xác định được bao nhiêu).

*** Tại bản tự khai ngày 11/4/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phạm Hải S trình bày:**

+ Thứ nhất, bà Trần Thị L, ông Hồ Văn R có ký 03 hợp đồng vay tiền với ông Nguyễn Trần Đăng Kh với tổng số tiền 400.000.000 đồng, cụ thể: Hợp đồng vay tiền ngày 30/10/2019 với số tiền vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, không tính lãi suất; hợp đồng vay tiền ngày 27/6/2020 với số tiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, không tính lãi suất; hợp đồng vay tiền

ngày 31/3/2021 với số tiền vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, không tính lãi suất. Quá trình thực hiện 03 hợp đồng trên, bà L và ông R gặp khó khăn, không thanh toán đúng hạn nên ngày 10/01/2022 ông Kh yêu cầu vợ chồng bà L, ông R lập hợp đồng vay tiền bằng cách tính lãi 03 hợp đồng vay tiền ngày 30/10/2019, 27/6/2020 và 31/3/2021 với tổng số tiền 145.000.000 đồng.

Chấp hành các thoả thuận trong các hợp đồng vay tiền đã ký kết với ông Kh. Bà L và ông R đã thanh toán cho ông Kh tiền gốc và lãi với tổng số tiền 545.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi 145.000.000 đồng. Tổng số tiền bà L, ông R chuyển trả cho ông Kh là 848.000.000 đồng, số tiền chuyển dư cho ông Kh là 303.000.000 đồng, hiện ông Kh còn nợ bà L, ông R số tiền 303.000.000 đồng.

+ Thứ hai, bà Trần Thị L, ông Hồ Văn R có ký 02 hợp đồng vay tiền với bà Trần Kim L với tổng số tiền 650.000.000 đồng, cụ thể: Hợp đồng vay tiền ngày 17/9/2019 với số tiền vay 400.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, không tính lãi suất; hợp đồng vay tiền ngày 11/02/2020 với số tiền vay 250.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, không tính lãi suất. Ngày 10/01/2022, bà L yêu cầu bà L, ông R lập hợp đồng vay tiền, số tiền vay của hợp đồng vay tiền này là lãi của 02 hợp đồng vay tiền ngày 17/9/2019 và ngày 10/02/2020 với tổng số tiền 200.000.000 đồng vì ông R, bà L thanh toán trễ các hợp đồng vay tiền đã ký, thực chất hợp đồng vay tiền ngày 10/01/2022 là tiền lãi. Chấp hành các thoả thuận trong các hợp đồng đã ký kết với bà L. Bà L và ông R đã thanh toán cho bà L tiền gốc và lãi với tổng số tiền 850.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 650.000.000 đồng và tiền lãi 200.000.000 đồng. Tổng số tiền bà L, ông R chuyển trả cho L là 1.425.000.000 đồng, số tiền chuyển dư cho bà L là 575.000.000 đồng, hiện bà L còn nợ bà L, ông R số tiền 575.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 20/01/2023 bà Trần Kim L và ông Nguyễn Trần Đăng Kh thuê một số cá nhân thuộc Công ty Cổ phần đầu tư mua bán nợ Thiên Uy gây áp lực, đe dọa buộc cá nhân bà L, ông R phải ghi giấy cam kết trả nợ với tổng số tiền 863.600.000 đồng nhằm mục đích bà L, ông Kh không phải thanh toán cho ông R, bà L số tiền còn dư.

Nay, trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý, trường hợp xác định ông L, ông R chưa thanh toán đủ số tiền nợ cho ông Kh, bà L theo các hợp đồng thì cấn trừ tiền chênh lệch mà bà L, ông R chuyển dư cho ông Kh, bà L với tổng số tiền 878.000.000 đồng, đồng thời đề nghị tuyên hủy, chấm dứt các hợp đồng vay tiền nêu trên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim L trình bày:**

Bà L và vợ chồng bà Trần Thị L, ông Hồ Văn R có quan hệ quen biết nhau, còn ông Nguyễn Trần Đăng Kh là bạn bè. Bà Trần Kim L có cho vợ chồng bà L, ông R vay 03 lần cụ thể: Ngày 17/9/2019 bà L cho vợ chồng bà L, ông R vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất theo thỏa thuận; ngày 11/02/2020 bà L cho vợ chồng bà L, ông R vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất thỏa thuận và ngày 10/01/2022 bà L cho vợ

chồng bà L, ông R vay 200.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, lãi suất 4%/tháng nhưng thực chất cũng thỏa thuận. Ngoài ra, ngày 31/3/2021, bà L và ông Kh có cho vợ chồng bà L vay 100.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, lãi suất vay 4%/tháng nhưng thực chất cũng thỏa thuận.

Ngày 20/01/2023, vợ chồng bà L, ông R xác nhận còn nợ ông Kh và bà L tổng số tiền 863.600.000 đồng, đồng thời vợ chồng bà L, ông R hứa thanh toán cho ông Kh, bà L thành 03 đợt vào các ngày 20/3/2023, 10/4/2023 và ngày 30/4/2023, sau đó vợ chồng bà L đã chuyển cho ông Kh 04 lần, mỗi lần 50.000.000 đồng với tổng số tiền 200.000.000 đồng. Nay, ông Kh khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị L, ông Hồ Văn R trả lại cho ông Kh số tiền đã vay 663.600.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/01/2023 đến thời điểm xét xử (22/4/2024) là 82.900.000 đồng thì bà L đồng ý, không có ý kiến gì.

Đối với phần yêu cầu của ông Nguyễn Trần Đăng Kh về việc yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị L, ông Hồ Văn R trả lại cho ông Kh số tiền đã vay 663.600.000 đồng, trong đó có một phần tiền của bà Trần Kim L nên bà L thống nhất để cho bà L, ông R thanh toán ông Kh; nếu có tranh chấp giữa bà L và ông Kh sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2024/DS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trần Đăng Kh đối với bị đơn ông Hồ Văn R, bà Trần Thị L về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Hồ Văn R, bà Trần Thị L thanh toán cho ông Nguyễn Trần Đăng Kh tổng cộng số tiền 746.500.000 đồng; trong đó: Tiền nợ gốc 663.600.000 đồng và tiền lãi 82.900.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Nguyễn Trần Đăng Kh trả lại cho bị đơn ông Hồ Văn R, bà Trần Thị L số tiền 150.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/5/2024 bà Trần Thị L, ông Hồ Văn R là bị đơn có đơn kháng cáo, nội dung cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không đúng pháp luật, yêu cầu xét xử lại phúc thẩm, hủy bản án sơ thẩm. Trường hợp có căn cứ thì đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn 746.500.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Trần Đăng Kh (sau đây viết là nguyên đơn), bà Trần Thị L, ông Hồ Văn R (sau đây viết là bị đơn). Theo trình bày của bị đơn tại phiên tòa và xác nhận của Công an phường AB thì bị đơn là vợ chồng có đăng ký thường trú tại địa chỉ: số 45/2 (số mới 49/6) đường Bế Văn Đàn, khu phố Bình Đường 3, phường AB, thành phố D, tỉnh Bình Dương (bút lục 06). Theo tài liệu, chứng cứ thì bị đơn vay tiền của nguyên đơn nhiều lần có lập hợp đồng vay tiền. Ngày 20/01/2023, bị đơn viết ký giấy cam kết xác nhận với nội dung: tính đến nay 20/01/2023, bị đơn còn nợ lại nguyên đơn tổng số tiền 863.600.000 đồng (tám trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Bị đơn thanh toán làm 03 đợt. Đợt 1: ngày 20/3/2023; đợt 2: ngày 10/4/2023; đợt 3: ngày 30/4/2023. Bị đơn cam kết nếu không thực hiện theo lời hứa, bị đơn sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Bị đơn khai: bị đơn vay tiền của nguyên đơn theo các hợp đồng vay tiền gồm tiền gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi là 145.000.000 đồng. Bị đơn đã chuyển khoản trả cho nguyên đơn 848.000.000 đồng trong đó chuyển dư 303.000.000 đồng. Bị đơn vay tiền của bà L theo các hợp đồng vay tiền gồm tiền gốc 650.000.000 đồng, tiền lãi 200.000.000 đồng. Bị đơn đã chuyển khoản trả cho bà L 1.425.000.000 đồng, trong đó chuyển dư 575.000.000 đồng. Bị đơn cho rằng: bị đơn bị nguyên đơn và Công ty đòi nợ gây áp lực đe dọa, ép buộc bị đơn viết, ký tên vào giấy cam kết ngày 20/01/2023. Bị đơn không đồng ý trả nợ theo giấy cam kết ngày 20/01/2023. Trường hợp xác định bị đơn chưa thanh toán hết nợ cho nguyên đơn và bà L thì đề nghị được cấn trừ vào số tiền mà bị đơn đã chuyển khoản dư và chấm dứt các hợp đồng vay tiền.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng: bị đơn có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nhận thức về hành vi của mình trong việc xác lập, thực hiện quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định tại các Điều: 20, 21 Bộ luật Dân sự. Tại biên bản xác minh ngày 24/4/2024 (bút lục 468), Công an phường D cung cấp thông tin: bà L chỉ nhắn tin qua Zalo điện thoại về việc bà có vay mượn tiền bị nhân viên công ty mua bán nợ quấy rối. Công an phường D đã cử cán bộ đến địa điểm xảy ra vụ việc. Công an phường thông báo mời bà L đến trụ sở Công an phường để trình báo và cung cấp tài liệu liên quan nhưng bà L không đến làm việc, không cung cấp thông tin. Công an phường D không nhận được đơn tố giác của bị đơn và tại phiên tòa, bị đơn cũng xác định không có làm đơn tố giác và bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh có việc bị đơn bị nguyên đơn đe dọa, bị gây áp lực phải viết, ký tên vào giấy cam kết trả nợ cho nguyên đơn ngày 20/01/2023. Nguyên đơn khai: sau khi bị đơn ký giấy cam kết trả nợ, bị đơn chỉ trả được 200.000.000 đồng. Về tiền lãi, nguyên đơn xác định có nhận của bị đơn 150.000.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện trả lại cho bị đợn khoản tiền lãi đã nhận và cũng phù hợp với lời khai của bị đơn tại phiên tòa là sau ngày viết giấy cam kết trả nợ 20/01/2023, bị đơn có trả nợ cho nguyên đơn được 200.000.000

đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xử: buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn 746.500.000 đồng, trong đó nợ gốc còn lại là 663.600.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 82.900.000 đồng và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn trả lại cho bị đơn 150.000.000 đồng tiền lãi là có căn cứ, phù hợp các Điều: 274, 275, 280, 288, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

[4] Xét việc bị đơn cho rằng: đã chuyển khoản trả nợ cho nguyên đơn dư 303.000.000 đồng; chuyển khoản trả nợ cho bà L dư 575.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có đơn yêu cầu phản tố. Bị đơn có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định. Án phí phúc thẩm: bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 274, 275, 280, 288, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các Điều: 147, 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị L và ông Hồ Văn R. Giữ nguyên Bản án số 123/2024/DS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trần Đăng Kh đối với bà Trần Thị L và ông Hồ Văn R về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Trần Thị L và ông Hồ Văn R có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông Nguyễn Trần Đăng Kh 746.500.000 đồng (trong đó nợ gốc là 663.600.000 đồng, tiền lãi là 82.900.000 đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của ông Kh: ông Kh phải trả lại cho bà L, ông R 150.000.000 đồng (là khoản tiền lãi ông Kh đã nhận của bà L, ông R)

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị L, ông Hồ Văn R phải có nghĩa vụ liên đới nộp 33.860.000 đồng. Ông Nguyễn Trần Đăng Kh phải chịu 7.500.000 đồng được trừ vào 18.954.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001504, ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D trả lại cho ông Kh 11.454.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Ông Hồ Văn R phải chịu 300.000 đồng được trừ vào 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002936, ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D. Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng được trừ vào 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001909, ngày 31/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố D;
- Chi cục THADS thành phố D;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Trung